

Số: 10/2023/QĐST-HNGĐ

ĐT, ngày 27 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 330/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, giữa:

Chị Lê Thị B, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn TT, xã BK, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh;

Anh Bùi Quang N, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn TT, xã BK, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị B và anh Bùi Quang N.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1/ Về con chung: các đương sự cùng khẳng định có 02 con chung Bùi Quang M, sinh ngày 17/10/2009 và Bùi Quang M1, sinh ngày 09/7/2018 và cùng thoả thuận, thống nhất:

Chị Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Quang M1 kể từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Bùi Quang N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Quang M kể từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2/ Về tài sản chung, nợ chung: chị Lê Thị B và anh Bùi Quang N cùng xác định có tài sản chung và có nợ chung nhưng tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3/ Về án phí:

Chị Lê Thị B tự nguyện chịu toàn bộ 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009683 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh. Chị Lê Thị B được hoàn trả số tiền 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT;
- Chi cục Thi hành án DS ĐT;
- UBND xã BK (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

(*đã ký*)

Trần Thị Như Quỳnh